

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/DS-PT
Ngày : 15 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Đăng

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLPT - DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2023/QĐXX -PT ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Văng Tấn T - Chủ hộ kinh doanh Văng Tấn T; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Phan Hoàng D là Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn Q; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Quốc D1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phùng Quốc D1: Ông Nguyễn Đức D2 là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Văng Tấn T (nguyên đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Văng Tấn T trình bày:

Anh là Chủ Hộ kinh doanh Văng Tấn T chuyên kinh doanh vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu. Từ năm 2018 anh Phùng Văn Q có đến cửa hàng của anh để mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu. Trong quá trình mua bán, anh Q có nợ tiền anh T nên vào ngày 07/9/2019 ông Phùng Quốc D1 là cha ruột của anh Q ký tên xác nhận số nợ của anh Q và đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho anh Q trong trường hợp anh Q không trả nợ. Tính đến ngày 04/7/2022, anh Q còn nợ anh T 80.000.000 đồng. Đến nay, anh Q và ông D1 không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào mặc dù anh đã nhiều lần nhắc nhở.

Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho anh số tiền mua vật tư nông nghiệp, phân bón thuốc trừ sâu còn nợ là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 03/3/2020 đến ngày 03/7/2023 (40 tháng) bằng 26.560.000 đồng và tiếp tục chịu lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Trường hợp anh Q không trả nợ cho anh thì yêu cầu ông D1 phải trả thay cho anh Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xác nhận, theo quyển sổ của anh Q cung cấp có ghi 02 lần tính tiền lãi, cụ thể như sau: ngày 07/9/2019 là 10.438.000 đồng (tính 06 tháng lãi từ ngày 07/3/2019 đến ngày 07/9/2019 trên số tiền nợ cũ 86.927.000 đồng), ngày 22/10/2019 là 10.000.000 đồng (tính 05 tháng lãi từ ngày 07/9/2019 đến ngày 10/02/2020 trên số tiền nợ 100.000.000 đồng). Do đó, anh T thay đổi yêu cầu về số tiền anh Q phải trả là 59.562.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và tiền lãi chậm trả tính trên tiền nợ từ ngày kết sổ 05/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính ra bằng 28.182.200đ, cụ thể như sau:

- Ngày 05/8/2019 đến 07/9/2019 tiền lãi trên số nợ 162.132.000đ là 1.435.000đ.
- Ngày 08/9/2019 đến 22/10/2019 tiền lãi trên số nợ 125.562.000đ là 1.516.000đ.
- Ngày 23/10/2019 đến 10/02/2019 tiền lãi trên số nợ 94.562.000đ là 2.825.000đ.

- Ngày 04/3/2020 đến 19/6/2020 tiền lãi trên số nợ 69.562.000đ là 2.020.000đ.
- Ngày 20/6/2020 đến 04/7/2022 tiền lãi trên số nợ 64.562.000đ là 13.110.000đ.
- Ngày 05/7/2022 đến 25/8/2023 tiền lãi trên số nợ 59.562.000đ là 6.750.000đ.

* Tại biên bản hòa giải ngày 07/7/2023 và ngày 17/7/2023 bị đơn anh Phùng Văn Q trình bày:

Anh thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng của anh T từ năm 2018 đến năm 2019, tính đến ngày 04/7/2022 anh còn nợ anh T 80.000.000 đồng, anh T có giao cho anh một sổ theo dõi, sổ do anh T ghi giao cho anh giữ thể hiện trong sổ tiền nợ 80.000.000đ có bao gồm 20.438.000 đồng tiền lãi. Nay anh đồng ý trả anh T 80.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm tiền lãi vì trong sổ tiền 80.000.000 đồng đã có 20.438.000 đồng tiền lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Quốc D1 trình bày:

Ông là cha của Phùng Văn Q. Ông có ký tên bảo lãnh cho anh Q trong trường hợp anh Q không trả nợ cho anh T thì ông trả thay nhưng với điều kiện anh T phải tiếp tục bán vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q. Ông không nhớ chính xác ký bảo lãnh ngày nào, chỉ ký tên trong sổ chứ không ghi rõ nội dung, nhưng sau khi ký tên bảo lãnh cho Q thì anh T không có tiếp tục bán vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q. Do đó, ông không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ông xác định đây là trách nhiệm của anh Q đối với anh T.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D1 đề nghị không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc đòi ông D1 trả nợ thay cho anh Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Văng Tấn T - Đại diện Hộ kinh doanh Văng Tấn T.

Buộc anh Phùng Văn Q có trách nhiệm trả anh Văng Tấn T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 59.562.000 đồng và lãi 28.182.000 đồng. Tổng cộng bằng 87.744.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Văng Tấn T về việc buộc ông Phùng Quốc D1 có nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho anh Phùng Văn Q trong trường hợp anh Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2023 anh T kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Q trong trường hợp anh Q không thực hiện việc trả nợ cho anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày: việc ông D1 ký tên bảo lãnh trả nợ thay cho anh Q hoàn toàn không có điều kiện buộc anh T phải tiếp tục bán thiếu vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q. Do ông D1 là cha của anh Q, khi anh T đòi tiền anh Q thì ông D1 đứng ra bảo lãnh, ông D1 nói để cuối mùa thu hoạch xong anh Q trả nếu anh Q không trả thì ông D1 trả thay, sau khi tổng kết nợ thì anh T vẫn tiếp tục bán vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q nhưng bán lấy tiền mặt đầy đủ chứ không bán thiếu nên không có ghi vào cuốn sổ nợ của anh Q giữ mà chỉ ghi vào sổ theo dõi của anh T.

Do đó, anh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo buộc ông D1 có trách nhiệm trả nợ thay cho anh Q trong trường hợp anh Q không trả nợ cho anh T. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D1 trình bày: giao dịch bảo lãnh giữa ông D1 với Anh T không được lập thành hợp đồng bảo lãnh theo quy định, không ghi tên bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh, không ghi thời hạn bảo lãnh, số tiền bảo lãnh nên vô hiệu về mặt hình thức và nội dung, mặt khác anh Q đã đồng ý trả nợ cho anh T, anh T không chứng minh được anh Q không trả nợ nên không phát sinh trách nhiệm bảo lãnh của ông D1.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, anh T chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Ngày 28/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tuyên án sơ thẩm, đến ngày 11/9/2023 anh V Tấn Thành nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo

nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

Xét kháng cáo của anh T, yêu cầu ông D1 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Q trong trường hợp anh Q không trả nợ cho anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thể hiện trong sổ theo dõi việc anh T bán vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q, tại trang tổng kết tiền nợ tính đến ngày 07/9/2019 anh Q còn nợ anh T 135.000.000đ thì ông D1 có ký tên bảo lãnh với nội dung: “Tôi đứng ra lãnh con tôi không trả tiền tôi trả”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D1 thừa nhận ông có ký tên trong sổ bảo lãnh cho anh Q, trong trường hợp anh Q không trả tiền cho anh T thì ông trả thay nhưng với điều kiện “anh T phải tiếp tục bán vật tư, nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Q” nhưng sau đó anh T không tiếp tục bán cho anh Q theo thỏa thuận nên ông không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, tức không trả nợ thay cho anh Q trong trường hợp anh Q không trả nợ. Song ông D1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bảo lãnh có điều kiện như ông trình bày.

Xét giao dịch bảo lãnh giữa ông D1 với anh T là tự nguyện, nội dung phù hợp Tiểu mục 6, Chương XV, Phần thứ ba Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về bảo lãnh. Do đó, quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1 cho rằng, giao dịch bảo lãnh giữa ông D1 với anh T vô hiệu, không phát sinh hiệu lực là không có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh: “Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó”. Như vậy, trong trường hợp này nếu anh Q (bên được bảo lãnh) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T thì ông D1 (bên bảo lãnh) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T thay anh Q.

Từ phân tích trên, xét kháng cáo của anh T có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T có căn cứ chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo anh Văng Tấn T không phải chịu án phí phúc thẩm

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Văng Tấn T. Sửa bản án sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 335, 342, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 12, 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văng Tấn T - Đại diện Hộ kinh doanh Văng Tấn T.

Buộc anh Phùng Văn Q có trách nhiệm trả anh Văng Tấn T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 59.562.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 28.182.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm tám mươi hai ngàn đồng), tổng cộng bằng 87.744.000 đồng (T1 mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Trong trường hợp anh Phùng Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh V Tấn T thì buộc ông Phùng Quốc D1 phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh Văng Tấn T thay cho anh Phùng Văn Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Văn Tấn T2 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh V Tấn Thành tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003112 ngày 11/9/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VPTAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Đường sự; Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi